

BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2017
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP
BÌNH THUẬN
(ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN)



MỤC LỤC

	Trang
1. Báo cáo của Ban Giám đốc	2 - 4
2. Báo cáo kiểm toán độc lập	5 - 6
3. Bảng cân đối kế toán ngày 31 tháng 12 năm 2017	7 - 8
4. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm 2017	9
5. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ năm 2017	10
6. Thuyết minh Báo cáo tài chính năm 2017	11 - 42

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận trình bày Báo cáo này cùng các Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán 2017 của Công ty.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận (sau đây gọi tắt là "Công ty") hoạt động theo **Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty Cổ phần** do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Bình Thuận cấp. Mã số nghiệp **3400382278**, đăng ký lần đầu ngày 11 tháng 5 năm 2004, đăng ký thay đổi lần thứ 18 ngày 26 tháng 5 năm 2016.

Vốn điều lệ : 288.000.000.000 Đồng
Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 Đồng/Cổ phiếu
Lĩnh vực hoạt động kinh doanh : Sản xuất - Thương mại - Dịch vụ

Trụ sở chính

Địa chỉ : Số 3 Nguyễn Du, Phường Đức Thắng, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận
Điện thoại : (84-252) 3816 113 – 381 6823
Fax : (84-252) 381 4599
Mã số thuế : **3 4 0 0 3 8 2 2 7 8**

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC CÔNG TY

Thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc của Công ty cho đến thời điểm lập Báo cáo này như sau:

Hội đồng Quản trị

1. Ông Trần Văn Mười Chủ tịch - Người đại diện theo pháp luật của Công ty
2. Ông Trần Bá Mai Anh Vũ Phó Chủ tịch thường trực
3. Ông Đinh Quang Sáng Phó Chủ tịch
4. Bà Trần Thị Hoa Thành viên
5. Ông Mai Quốc Hưng Thành viên

Ban Giám đốc

1. Bà Trần Thị Hoa Giám đốc
2. Ông Trần Bá Mai Anh Vũ Phó Giám đốc

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Tại văn bản Ủy quyền số 01-18/UQ-NSBT/HĐQT ngày 02/01/2018, Ông Trần Văn Mười là người đại diện theo pháp luật của Công ty đã ủy quyền cho Bà Trần Thị Hoa – Giám đốc ký duyệt toàn bộ các văn bản tài chính – kế toán, Báo cáo tài chính, các hợp đồng mua bán của Công ty từ ngày 01/01/2018 đến 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt - Chi nhánh tại TPHCM thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính niên độ kế toán này.

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH VÀ PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN

Tình hình tài chính tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm từ trang 07 đến trang 42.

SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán cho đến ngày phát hành Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập các Báo cáo tài chính này và cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- * Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu;
- * Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- * Thực hiện các phán đoán và các ước tính hợp lý và thận trọng;
- * Công bố các Chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong các Báo cáo tài chính;
- * Lập các Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng, các sổ kế toán thích hợp đã được lưu giữ đầy đủ, Báo cáo tài chính kèm theo đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2017, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho niên độ kế toán 2017 kết thúc cùng ngày, đồng thời phù hợp với các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Giám đốc Công ty



Giám đốc – Trần Thị Hoa

Thành phố Phan Thiết, ngày 30 tháng 10 năm 2019

Số: 103/2019/BCTC-NTV.HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

KÍNH GỬI: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Theo công văn số 70/NSBT/2019 ngày 14/10/2019 về việc "Bổ sung báo cáo bộ phận cho báo cáo tài chính năm 2017 và 2018" của Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận, Chúng tôi đã kiểm toán lại báo cáo tài chính kèm theo của Công ty được lập ngày 29 tháng 10 năm 2019, từ trang 07 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận tại ngày 31 tháng 12 năm 2017, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho niên độ kế toán kết thúc cùng ngày,

Báo cáo đã được trình bày phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo kiểm toán này thay thế Báo cáo kiểm toán số 87/2018/BCTC-NTV.HCM được lập ngày 02 tháng 5 năm 2018.

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt
Chi nhánh tại Thành phố Hồ Chí Minh



Giám đốc – Võ Công Tuấn

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0486-2018-124-1

Kiểm toán viên – Lê Hồng Long

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 0786-2018-124-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 11 năm 2019

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		248.638.016.027	183.628.163.233
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền		913.919.650	728.157.844
111	1. Tiền	V.1	913.919.650	728.157.844
120	II. Đầu tư tài chính ngắn hạn		-	-
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn		200.127.911.062	152.872.540.667
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	143.687.647.331	103.021.348.490
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	6.522.667.134	11.249.082.456
135	3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	V.4	4.000.000.000	4.000.000.000
136	4. Phải thu ngắn hạn khác	V.5	54.655.482.069	43.234.536.599
137	5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.6	(9.553.380.560)	(9.447.921.966)
139	6. Tài sản thiếu chờ xử lý	V.7	815.495.088	815.495.088
140	IV. Hàng tồn kho		46.468.730.403	29.015.357.426
141	1. Hàng tồn kho	V.8	46.468.730.403	29.015.357.426
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		1.127.454.912	1.012.107.296
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.9	807.620.461	285.375.035
152	2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	V.10	319.834.451	726.732.261
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		286.514.245.974	287.753.127.614
210	I. Các khoản phải thu dài hạn		199.880.680.000	199.880.680.000
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.11	199.880.680.000	199.880.680.000
220	II. Tài sản cố định		17.021.496.258	18.204.550.079
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.12	7.482.569.268	8.527.726.943
222	- Nguyên giá		13.017.650.799	13.632.893.971
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(5.535.081.531)	(5.105.167.028)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.13	9.538.926.990	9.676.823.136
228	- Nguyên giá		11.432.450.505	11.282.950.679
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1.893.523.515)	(1.606.127.543)
230	III. Bất động sản đầu tư		-	-
240	IV. Tài sản dở dang dài hạn		1.230.000.000	1.230.000.000
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.14	1.230.000.000	1.230.000.000
250	V. Đầu tư tài chính dài hạn		68.000.000.000	68.000.000.000
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	V.15	68.000.000.000	68.000.000.000
260	VI. Tài sản dài hạn khác		382.069.716	437.897.535
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.16	382.069.716	437.897.535
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		535.152.262.001	471.381.290.847

18482-C
 NGTYT
 ẾM TOÁ
 TÂM
 NHÂN
 HÀNH P
 CHÍ MIA
 HỒC

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Bảng Cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2017

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
300	C. NỢ PHẢI TRẢ		194.358.579.715	159.692.398.578
310	I. Nợ ngắn hạn		192.871.896.715	158.125.727.578
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.17	72.158.568.088	43.270.708.151
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.18	818.900.500	3.856.086.000
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.19	9.503.942.006	7.690.254.206
314	4. Phải trả người lao động	V.20	786.485.183	360.720.500
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.21	1.358.097.310	953.045.778
319	6. Phải trả ngắn hạn khác	V.22	1.601.016.328	4.110.409.443
320	7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.23	106.644.887.300	97.884.503.500
330	II. Nợ dài hạn		1.486.683.000	1.566.671.000
338	1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	V.24	1.486.683.000	1.566.671.000
400	D VỐN CHỦ SỞ HỮU		340.793.682.286	311.688.892.269
410	I. Vốn chủ sở hữu	V.25	340.793.682.286	311.688.892.269
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu	V.25.1	288.000.000.000	288.000.000.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		288.000.000.000	288.000.000.000
418	2. Quỹ đầu tư phát triển	V.25.2	59.516.176	59.516.176
421	3. Lợi nhuận sau thuế (LNST) chưa phân phối	V.25.3	52.734.166.110	23.629.376.093
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		23.629.376.093	7.237.309.030
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		29.104.790.017	16.392.067.063
430	II. Nguồn kinh phí		-	-
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		535.152.262.001	471.381.290.847

Thành phố Phan Thiết, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Thùy Linh



Nguyễn Văn Thủy



Trần Thị Hoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Năm 2017

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.26	563.967.836.152	451.094.167.453
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu	VI.27	-	25.125.000
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		563.967.836.152	451.069.042.453
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.28	530.066.465.308	411.941.988.846
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		33.901.370.844	39.127.053.607
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.29	27.699.190.277	4.957.015.743
22	7. Chi phí tài chính	VI.30	8.861.744.342	6.724.547.143
23	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>		8.696.885.342	6.723.151.595
25	8. Chi phí bán hàng	VI.31	9.097.182.595	7.573.207.235
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.32	7.420.244.620	9.397.128.383
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		36.221.389.564	20.389.186.589
31	11. Thu nhập khác	VI.33	1.251.138.785	378.750.856
32	12. Chi phí khác	VI.34	959.819.026	82.549.818
40	13. Lợi nhuận khác		291.319.759	296.201.038
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		36.512.709.323	20.685.387.627
51	15. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp hiện hành	VI.35	7.407.919.305	4.293.320.564
60	16. Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp		29.104.790.018	16.392.067.063
70	17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.36	1.011	717

Thành phố Phan Thiết, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Thùy Linh



Nguyễn Văn Thủy



Trần Thị Hoa

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2017

ĐVT: VND

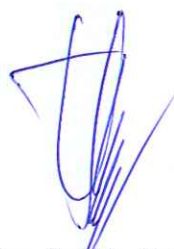
Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
	I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh			
01	1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác		418.251.872.165	374.582.312.521
02	2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ		(393.624.611.052)	(361.361.414.511)
03	3. Tiền chi trả cho người lao động		(6.873.516.609)	(6.380.562.983)
04	4. Tiền lãi vay đã trả		(8.702.216.106)	(6.563.986.066)
05	5. Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.19	(2.900.000.000)	(817.235.357)
06	6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		11.352.571.037	12.181.380.994
07	7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(25.354.731.780)	(224.237.790.902)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(7.850.632.345)	(212.597.296.304)
	II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		(841.197.326)	(4.950.013.400)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác		105.000.000	150.000.000
27	3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		92.195.677	153.396.169
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(644.001.649)	(4.646.617.231)
	III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	200.000.000.000
33	2. Tiền thu từ đi vay	V.23; V.24	356.239.175.732	328.247.520.000
34	3. Tiền trả nợ gốc vay	V.23; V.24	(347.558.779.932)	(311.230.433.850)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		8.680.395.800	217.017.086.150
50	Lưu chuyển tiền thuần trong năm		185.761.806	(226.827.385)
60	Tiền và tương đương tiền đầu năm	V.1	728.157.844	954.979.346
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	5.883
70	Tiền và tương đương tiền cuối năm	V.1	913.919.650	728.157.844

Thành phố Phan Thiết, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc


Trương Thùy Linh

Nguyễn Văn Thùy

Trần Thị Hoa

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

NĂM 2017

Bản thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và không thể tách rời các Báo cáo tài chính niên độ kế toán 2017 của Công ty Cổ phần Dịch vụ nông nghiệp Bình Thuận sau đây gọi tắt là "Công ty".

Báo cáo tài chính năm 2017 được lập lại trên cơ sở bổ sung số liệu Báo cáo bộ phận. Báo cáo này thay thế các báo cáo tài chính năm 2017 đã lập trước đó.

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn : Công ty cổ phần

Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, Thương mại và Dịch vụ

Ngành nghề kinh doanh :

Công ty đang thực hiện các hoạt động kinh doanh như sau:

- Bán buôn phân bón, thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ và hóa chất khác sử dụng trong nông nghiệp;
- Hoạt động dịch vụ trồng trọt;
- Nhân và chăm sóc cây giống nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn xăng dầu và các sản phẩm khác liên quan;
- Xây dựng nhà các loại;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Hoàn thiện công trình xây dựng;
- Vận tải hàng hóa đường thủy nội địa;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng;
- Bán lẻ đồ ngũ kim, sơn, kính và thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác;



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

- Bán mô tô, xe máy;
- Điều hành tua du lịch;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Lắp đặt máy móc và thiết bị công nghiệp;
- Lắp đặt hệ thống xây dựng khác;
- Bán buôn nông sản nguyên liệu; bán buôn nông, lâm sản nguyên liệu (trừ gỗ, tre, nứa) và động vật sống;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ;
- Đại lý du lịch;
- Sản xuất nước khoáng, nước tinh khiết đóng chai;
- Tư vấn, đấu giá bất động sản, đấu giá quyền sử dụng đất;
- Trồng rừng và chăm sóc rừng;
- Khai thác gỗ;
- Sản xuất phân bón (trừ sản xuất thuốc bảo vệ thực vật);
- Kinh doanh xuất nhập khẩu ủy thác.

Chu kỳ kinh doanh thông thường

Chu kỳ kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Cấu trúc Công ty

Các Chi nhánh hoạt động theo ủy quyền của Công ty Cổ phần Dịch vụ Nông nghiệp Bình Thuận và kế toán phụ thuộc gồm có:

1. Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp I

Địa chỉ : Khu phố Phú Trường, Thị trấn Phú Long, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 001

2. Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp II

Địa chỉ : Thôn Phú Sum, xã Hàm Mỹ, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 002

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp III

Địa chỉ : Thôn 1, Thị trấn Võ Xu, Huyện Đức Linh, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 003

4. Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp IV

Địa chỉ : Số 92 Thôn Bình Thủy, Xã Phan Rí Thành, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 004

5. Chi nhánh kinh doanh vật tư Nông nghiệp Hàm Tân

Địa chỉ : Thôn 1, Phường Tân Thiện, Thị xã Lagi, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 005

6. Chi nhánh kinh doanh xăng dầu

Địa chỉ : Khu phố 2, Phường Xuân An, TP. Phan Thiết, Tỉnh Bình Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 006

7. Chi nhánh tại Ninh Thuận

Địa chỉ : Số 388/1, Đường 21/8, Phường Phước Mỹ, TP. Phan Rang - Tháp Chàm, Tỉnh Ninh Thuận

Mã số thuế : 3400382278 – 007

8. Chi nhánh tại Phú Yên

Địa chỉ : Thôn Phước Lộc, Xã Hòa Thành, Huyện Đông Hòa, Tỉnh Phú Yên

Mã số thuế : 3400382278 – 008

9. Chi nhánh tại Tỉnh Bình Định

Địa chỉ : Số 85, Đường Hoàng Văn Thụ, P. Quang Trung, TP. Quy Nhơn, Tỉnh Bình Định

Mã số thuế : 3400382278 – 009

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán năm

Từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán và lập Báo cáo tài chính là Đồng Việt Nam (VND).



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 của Bộ Tài chính hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Báo cáo tài chính đã được lập và trình bày phù hợp với Chế độ kế toán doanh nghiệp hiện hành và các Chuẩn mực kế toán Việt Nam có liên quan.

Hình thức sổ kế toán

Công ty áp dụng hình thức sổ kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích theo nguyên tắc giá gốc.

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại Quý và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu được ghi nhận theo giá trị ghi trên hóa đơn, chứng từ gốc trừ dự phòng các khoản nợ phải thu khó đòi được ước tính dựa trên việc rà soát của Ban Giám đốc đối với tất cả các khoản còn chưa thu tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán. Các khoản nợ được xác định là không thể thu hồi sẽ được xóa sổ.

Tăng hoặc giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong niên độ kế toán.

Các khoản nợ phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải thu.

4. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên

5. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định (TSCĐ) hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số: 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013; Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 và Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính.

Số năm khấu hao của các nhóm TSCĐ hữu hình như sau:

<u>Nhóm Tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
- Nhà cửa, vật kiến trúc	10 - 25
- Máy móc và thiết bị	08 - 10
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 - 20

6. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là tài sản không có hình thái vật chất nhưng xác định được giá trị, Công ty có khả năng kiểm soát nguồn lực và tính chắc chắn của lợi ích kinh tế trong tương lai, thông thường có nguồn gốc từ quyền pháp lý.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được Tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào sử dụng. Thời gian tính khấu hao của Tài sản cố định vô hình tối đa là 20 năm, trường hợp vượt 20 năm thì phải có bằng chứng tin cậy và xác định được.

TSCĐ vô hình của Công ty được thể hiện theo Nguyên giá trừ Hao mòn lũy kế và bao gồm :



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất (QSDĐ) được xác định là gồm có: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất hợp pháp, chi phí cho đền bù giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ (không bao gồm các chi phí xây dựng các công trình trên đất).

Chỉ trích khấu hao đối với QSDĐ xác định được thời hạn sử dụng; QSDĐ không xác định được thời gian sử dụng thì không trích khấu hao.

QSDĐ là tiền thuê đất Công ty trả một lần cho nhiều năm và được cấp Giấy chứng nhận QSDĐ. Quyền sử dụng đất này được khấu hao theo thời hạn thuê đất của từng lô đất.

Phần mềm máy vi tính

Nguyên giá phần mềm máy vi tính được xác định là toàn bộ các chi phí thực tế mà Công ty đã bỏ ra để có các chương trình phần mềm trong trường hợp chương trình phần mềm là một bộ phận có thể tách rời với phần cứng có liên quan, thiết kế bố trí mạch tích hợp bán dẫn theo quy định của pháp luật về sở hữu trí tuệ.

Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian sử dụng hữu ích là 5 năm.

7. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích kinh doanh cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Việc tính khấu hao các tài sản này được áp dụng giống như các tài sản cùng loại khác và chỉ bắt đầu khấu hao từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

8. Các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

9. Các khoản trả trước

Chi phí trả trước là các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều niên độ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm các chi phí trả trước ngắn hạn hoặc chi phí trả trước dài hạn trên Bảng cân đối kế toán.

Chi phí này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc và phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

10. Nợ phải trả

Nợ phải trả được ghi nhận trong Bảng cân đối kế toán khi có đủ điều kiện chắc chắn là Công ty sẽ phải dùng một lượng tiền chi ra để trang trải cho những nghĩa vụ hiện tại mà Công ty phải thanh toán, và khoản nợ phải trả đó phải xác định được một cách đáng tin cậy. Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả.

11. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ khi phát sinh.

12. Chi phí phải trả

Bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán.

13. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp cổ phần của các cổ đông được ghi nhận theo số vốn thực góp của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu đồng thời được theo dõi chi tiết đối với cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết và cổ phiếu ưu đãi.

Lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối phản ánh trên bảng Cân đối kế toán là số lợi nhuận từ các hoạt động của công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế TNDN của năm nay và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Trích lập các quỹ

Quỹ Đầu tư phát triển được trích lập và sử dụng theo Điều lệ Công ty, mức trích lập các quỹ được thực hiện theo Nghị quyết Đại hội cổ đông hàng năm.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập khác

❖ *Doanh thu bán hàng*

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi thỏa mãn tất cả 5 điều kiện sau:

- a. Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm, hàng hóa sang người mua;
- b. Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hoặc kiểm soát hàng hóa;
- c. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá, đã mua theo những điều kiện cụ thể, Công ty chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hoá (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác);
- d. Công ty đã thu hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- e. Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

❖ *Doanh thu hoạt động tài chính*

Doanh thu hoạt động tài chính được ghi nhận khi có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó và doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

15. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế, được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Việc ghi nhận chi phí ngay cả khi chưa đến kỳ hạn thanh toán nhưng có khả năng chắc chắn sẽ phát sinh nhằm đảm bảo nguyên tắc thận trọng và bảo toàn vốn. Chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Tuy nhiên trong một số trường hợp, nguyên tắc phù hợp có thể xung đột với nguyên tắc thận trọng trong kế toán, thì kế toán phải căn cứ vào bản chất và các Chuẩn mực kế toán để phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

16. Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ

Giá vốn hàng bán và cung cấp dịch vụ được ghi nhận đúng kỳ và tập hợp theo giá trị và số lượng thành phẩm, hàng hóa, vật tư xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng, đảm bảo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

Các chi phí sản xuất vượt trên mức bình thường được ghi nhận ngay vào kết quả hoạt động kinh doanh và đúng kỳ kế toán.

17. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp tính trên thu nhập tính thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa cơ sở tính thuế và giá trị ghi sổ, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Chỉ tiêu này phản ánh lãi cơ bản trên cổ phiếu, chưa tính đến các công cụ được phát hành trong tương lai có khả năng pha loãng giá trị cổ phiếu.

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (tử số) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong niên độ kế toán (mẫu số).

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do không có sự khác biệt lớn về mức độ rủi ro và lợi ích kinh tế giữa các khu vực địa lý.

20. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong niên độ kế toán được trình bày ở thuyết minh số VII.3.



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	ĐVT: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
1. Tiền và các khoản tương đương tiền		
- Tiền mặt tại quỹ	769.981.843	379.939.719
- Tiền gửi ngân hàng (*)	143.937.807	348.218.125
Cộng	913.919.650	728.157.844
<p>(*) Toàn bộ tiền gửi ngân hàng của Công ty được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng hạn mức số 6422/2017/3127435/HĐTD ngày 09/11/2017 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận (Thuyết minh số V.23).</p>		
2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng		
- Công ty Cổ phần Công nghệ Cao Agritech	49.584.860.754	33.258.590.754
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (*)	32.298.859.000	-
- Công ty Cổ phần VTNN Vàm Cỏ Đông (*)	34.213.200.000	9.432.000.000
- Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng BIRA	1.609.700.000	33.058.800.000
- Công ty CPDLTM Nông Nghiệp Việt Nam	-	5.508.925.000
- Nguyễn Quang Tú (Đại lý Phú Bình)	631.374.000	462.186.000
- Phạm Thị Ngọc Huyền (Đại lý Hữu Nghị)	1.500.250.000	344.600.000
- Võ Thị Cần (Đại lý Bích Huệ)	1.752.760.000	1.312.700.000
- Nguyễn Thái Xuân Công (Đại lý Công Linh)	705.000.000	711.440.000
- Công ty Cổ phần Vật Tư Phú Khánh	565.400.000	498.450.000
- HTX SX, KD Dịch vụ NN Tổng Hợp Phường Bình Định	1.267.579.000	477.885.000
- Đại lý Sáu Gạo (Nguyễn Thị Châu)	453.000.000	756.200.000
- Đại lý Tám Trung (La Văn Tám)	2.410.025.000	1.958.500.000
- Công ty Cổ phần XNK Việt Đức Vina	1.103.470.000	1.103.470.000
- Các đối tượng khác	15.592.169.577	14.137.601.736
Cộng	143.687.647.331	103.021.348.490

(*) Khoản phải thu bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Các khoản phải thu khách hàng của Công ty được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng hạn mức số 6422/2017/3127435/HĐTD ngày 09/11/2017 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận (Thuyết minh số V.23).

3. Trả trước cho người bán ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Công nghệ cao Agritech	2.937.650.265	-
- Công ty TNHH TM Bình Sơn	243.200.000	243.200.000
- CN Công ty Cổ phần BVTV An Giang	1.897.825	1.897.825
- Chi nhánh Nhà máy phân bón Năm Sao (*)	-	7.725.605.587
- Công ty Cổ phần PB và HC DK Đông Nam Bộ	62.460.000	17.600.000
- CN Công ty TNHH 1 TV VTNN Đồng Nai	8.000.000	8.000.000
- Công ty Cổ phần Thuốc Sắt trùng Việt Nam	1.709.044	1.709.044
- Công ty TNHH SXTM và DV Yên Mỹ	3.172.750.000	3.172.750.000
- Công ty Cổ phần Công nghệ Thông tin ánh Sáng	-	4.320.000
- Nguyễn Văn Ba	30.000.000	30.000.000
- Công ty TNHH Giang Sơn Xanh	40.000.000	40.000.000
- Công ty TNHH Toyota An Thành Fukushima	-	4.000.000
- Công ty Cổ phần TK XD TM Trường Thành	25.000.000	-
Cộng	6.522.667.134	11.249.082.456

(*) Trả trước cho người bán là bên liên quan.

4. Phải thu cho vay ngắn hạn

Khoản tiền cho Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan) mượn không tính lãi.

5. Phải thu ngắn hạn khác

5.1 Tạm ứng	6.346.219.983	19.446.978.650
5.2 Ký cược, ký quỹ	1.500.000.000	1.500.000.000
5.3 Phải thu khác	46.809.262.086	22.287.557.949
Tổng cộng	54.655.482.069	43.234.536.599

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

5.1. Tạm ứng

- Đoàn Đình Chiến	105.000.000	-
- Mai Lê Dung	5.454.958.983	1.727.163.650
- Phạm Văn Hùng	653.807.000	18.184.000
- Trần Văn Mười (*)	-	17.430.000.000
- Các đối tượng khác	132.454.000	271.631.000
Cộng	6.346.219.983	19.446.978.650

(*) Khoản tạm ứng bên liên quan.

5.2. Ký cược, ký quỹ

1.500.000.000

1.500.000.000

Ký quỹ mua hàng tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận.

5.3. Phải thu khác

- Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao (*)	11.532.964.855	8.955.834.090
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (*)	26.612.893.104	2.589.938.000
- Lê Văn Trường	2.709.484.645	2.709.484.645
- Nguyễn Việt Thắng (*)	2.830.000.000	2.830.000.000
- Trần Văn Mười (*)	-	2.423.200.265
- Bành Thế Hưng	1.301.113.718	1.301.113.718
- Các đối tượng khác	1.822.805.764	1.477.987.231
Cộng	46.809.262.086	22.287.557.949

(*) Bên liên quan.

8482-0
IGTYTN
M TOAI
TAM V
NHANH
IINH PH
HI MINI
HO CY

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu ngắn hạn của khách hàng				
- Huỳnh Thị Trinh	224.485.000	224.485.000	224.485.000	224.485.000
- Công ty TNHH TMDV Thành Đạt Phát	373.508.000	373.508.000	373.508.000	373.508.000
- Công ty Cổ phần XNK Việt Đức VINA	1.103.470.000	1.103.470.000	1.103.470.000	1.103.470.000
- Công ty TNHH Yến Thương	231.600.000	231.600.000	231.600.000	231.600.000
- Ngô Thị Mai Hoa - Dung Phụ	241.884.000	241.884.000	241.884.000	241.884.000
- Công ty TNHH Thịnh Phú	209.890.000	209.890.000	209.890.000	209.890.000
- Các đối tượng khác	1.370.074.580	1.370.074.580	1.266.233.826	1.266.233.826
Trả trước cho người bán ngắn hạn				
- Công ty TNHH TM Bình Sơn	243.200.000	243.200.000	243.200.000	243.200.000
- Công ty TNHH SXTM & DV Yên Mỹ	3.172.750.000	3.172.750.000	3.172.750.000	3.172.750.000
- Các đối tượng khác	81.606.869	81.606.869	81.606.869	81.606.869
Phải thu ngắn hạn khác				
- Bành Thế Hưng	1.301.113.718	1.301.113.718	1.301.113.718	1.301.113.718
- Dương Kim Tú	362.763.625	362.763.625	362.763.625	362.763.625
- Phạm Văn Chính	228.794.155	228.794.155	228.794.155	228.794.155
- Các đối tượng khác	408.240.613	408.240.613	406.622.773	406.622.773
Tổng cộng	9.553.380.560	9.553.380.560	9.447.921.966	9.447.921.966

7. Tài sản thiếu chờ xử lý

Là các loại hàng hóa phát hiện thiếu khi nhập khẩu chưa xác định được nguyên nhân.

- Phân bón MAP	716.177.775	716.177.775
- Phân bón DAP	99.317.313	99.317.313
Cộng	815.495.088	815.495.088

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

8. Hàng tồn kho

- Hàng mua đang đi đường	(*)	34.951.354.400	22.062.782.500
- Nguyên liệu, vật liệu		2.972.812	3.659.777
- Công cụ, dụng cụ		637.483.973	380.839.286
- Hàng hoá		8.959.468.228	5.735.553.373
- Hàng gửi bán		1.917.450.990	832.522.490
	Cộng	46.468.730.403	29.015.357.426

(*) Hàng mua gửi tại kho của bên bán.

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

- Số đầu năm		285.375.035	83.599.525
- Tăng trong năm		1.522.035.031	643.393.111
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm		999.789.605	441.617.601
- Số cuối năm		807.620.461	285.375.035

10. Thuế GTGT được khấu trừ

319.834.451

726.732.261

Thuế GTGT của hàng hóa, dịch vụ còn được khấu trừ.

11. Phải thu dài hạn khác

199.880.680.000

199.880.680.000

Khoản góp vốn hợp tác đầu tư bất động sản cùng với Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (Bên liên quan) theo hợp đồng số 01/2016/HĐHTĐT ngày 01/03/2016 và phụ lục số 01 ngày 04/04/2016, cụ thể:

- Nội dung hợp tác đầu tư: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City cho Giai đoạn 2.
- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao
- Tổng mức đầu tư dự án (Giai đoạn 2) 1.476.000.000.000 đồng.
- Vốn góp đầu tư: Công ty sẽ tham gia đầu tư với số tiền là 221.400.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư đã góp: 199.880.680.000 đồng.

Các nội dung cơ bản khác của hợp đồng hợp tác đầu tư này được trình bày ở Thuyết minh số VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

12. Tài sản cố định hữu hình

Chỉ tiêu	Nhóm TSCĐ	Nhà cửa, vật kiến trúc	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
Nguyên giá					
- Số đầu năm		6.608.300.394	891.730.256	6.132.863.321	13.632.893.971
- Mua trong năm		-	-	630.401.364	630.401.364
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	1.245.644.536	1.245.644.536
- Số cuối năm		6.608.300.394	891.730.256	5.517.620.149	13.017.650.799
Giá trị hao mòn					
- Số đầu năm		2.433.516.466	389.589.764	2.282.060.798	5.105.167.028
- Khấu hao trong năm		352.216.207	79.135.548	539.624.620	970.976.375
- Thanh lý, nhượng bán		-	-	541.061.872	541.061.872
- Số cuối năm		2.785.732.673	468.725.312	2.280.623.546	5.535.081.531
Giá trị còn lại					
- Tại ngày đầu năm		4.174.783.928	502.140.492	3.850.802.523	8.527.726.943
- Tại ngày cuối năm		3.822.567.721	423.004.944	3.236.996.603	7.482.569.268
Nguyên giá TSCĐ khấu hao hết còn sử dụng					
- Tại ngày đầu năm		898.089.345	214.841.164	-	1.112.930.509
- Tại ngày cuối năm		898.089.345	214.841.164	243.000.000	1.355.930.509

* Chi tiết các tài sản cố định hữu hình đang thế chấp đảm bảo các khoản vay.

- Tài sản cố định hữu hình là xe Toyota Land Cruiser Prado biển số 86A – 052.50 (nguyên giá: 2.377.551.218 đồng, khấu hao lũy kế tại ngày cuối năm: 257.568.051 đồng) đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 0030/TDD/16CD ngày 22/11/2016 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận (Thuyết minh số V.24).
- Tài sản cố định hữu hình là Xe Toyota Hilux E biển số 86C-096.02 (nguyên giá: 630.401.364 đồng, chưa phát sinh chi phí khấu hao đến ngày 31/12/2017) đang được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng số 0027/TDD/17CD ngày 13/12/2017 tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận (Thuyết minh số V.24).

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

13. Tài sản cố định vô hình

Chi tiêu	Nhóm TSCĐ	Quyền sử dụng đất (*)	Phần mềm máy vi tính	Tổng cộng
Nguyên giá				
- Số đầu năm		11.162.950.679	120.000.000	11.282.950.679
- Tăng trong năm		149.499.826	-	149.499.826
- Số cuối năm		11.312.450.505	120.000.000	11.432.450.505
Giá trị hao mòn				
- Số đầu năm		1.486.127.543	120.000.000	1.606.127.543
- Khấu hao trong năm		287.395.972	-	287.395.972
- Số cuối năm		1.773.523.515	120.000.000	1.893.523.515
Giá trị còn lại				
- Tại ngày đầu năm		9.676.823.136	-	9.676.823.136
- Tại ngày cuối năm		9.538.926.990	-	9.538.926.990

(*) Các quyền sử dụng đất của Công ty được thế chấp để đảm bảo cho khoản vay của hợp đồng tín dụng hạn mức số 6422/2017/3127435/HĐTD ngày 09/11/2017 tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09.001602/HĐ ngày 02/11/2009 và các văn bản bổ sung hợp đồng thế chấp tài sản này (Thuyết minh số V.23).

14. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang **1.230.000.000** **1.230.000.000**

Chi phí đầu tư xây dựng cửa hàng xăng dầu Ngã ba Gộp.

15. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác **68.000.000.000** **68.000.000.000**

Khoản đầu tư vào Cổ phiếu của Công ty Cổ phần XNK Vật tư Nông nghiệp III – Là bên liên quan (chiếm 31,02% Vốn Điều lệ của Công ty Cổ phần XNK Vật tư Nông nghiệp III):

- Số lượng cổ phiếu:	680.000	Cổ phiếu
- Mệnh giá cổ phiếu:	100.000	Đồng/Cổ phiếu
- Giá vốn bình quân:	100.000	Đồng/Cổ phiếu

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

16. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay	Năm trước
- Số đầu năm	437.897.535	811.908.947
- Tăng trong năm	408.631.132	494.171.445
- Phân bổ vào chi phí kinh doanh trong năm	464.458.951	868.182.857
Số cuối năm	382.069.716	437.897.535

17. Phải trả người bán ngắn hạn

- Công ty TNHH SX DV TM Huỳnh Thành	-	930.555.000
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (*)	-	35.600.550.000
- Công ty SP PP & Hoá chất Lâm Thao	9.916.374.869	995.512.932
- Công ty TNHH TM - DV - XNK Tường Nguyên	-	5.020.700.000
- Công ty Cổ phần XNK Vật Tư Nông Nghiệp III (*)	61.462.930.000	-
- DNTN Thương mại Bảy Thạnh	358.263.219	597.890.219
- Chi nhánh Công ty TMDK Đồng Tháp tại ĐT	300.000.000	-
- Công ty TNHH In Bao Bì Hiệp Thành	118.000.000	-
- Công ty TNHH Giải pháp Mạng Bảo Quốc	3.000.000	3.000.000
- Công ty TNHH XD TM Gia Thiện	-	122.500.000
Cộng	72.158.568.088	43.270.708.151

(*) Phải trả người bán là bên liên quan.

18. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao (*)	-	3.856.086.000
- Công ty TNHH TM SX Hoàn Thiện	400.500	-
- Công ty TNHH TM DV Tổng Hợp Hoàng Nhân	818.500.000	-
Cộng	818.900.500	3.856.086.000

(*) Người mua trả tiền trước là bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

19. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Phải nộp trong năm	Thực nộp trong năm	Số cuối năm
- Thuế Giá trị gia tăng	20.077.389	566.185.868	184.869.636	401.393.621
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	4.293.320.564	7.407.919.305	2.900.000.000	8.801.239.869
- Thuế Thu nhập cá nhân	126.683.257	327.110.922	155.690.700	298.103.479
- Thuế Nhà đất và Tiền thuê đất	3.250.172.996	167.505.756	3.414.473.715	3.205.037
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-	17.554.940	17.554.940	-
Cộng	7.690.254.206	8.486.276.791	6.672.588.991	9.503.942.006

Thuế Giá trị gia tăng

Phương pháp tính thuế : Theo phương pháp khấu trừ

Thuế suất áp dụng :

- Giống cây trồng, phân bón : không chịu thuế

- Xăng, dầu, nhớt : 10%

Thuế Thu nhập doanh nghiệp

Thuế Thu nhập doanh nghiệp bằng 20% trên thu nhập tính thuế.

Các loại thuế khác

Công ty thực hiện kê khai và trích nộp theo quy định hiện hành.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng Luật và các quy định về thuế đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo những cách khác nhau, số thuế được trình bày trên các Báo cáo tài chính sẽ được xác định một cách chắc chắn theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

20. Phải trả người lao động 786.485.183 360.720.500

Tiền lương còn phải trả cho người lao động.

03-C.
HH
VIỆT
10
11 MM

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

21. Chi phí phải trả ngắn hạn

- Chi phí vận chuyển	263.405.935	403.595.000
- Chi phí lãi vay	488.311.585	493.635.473
- Chi phí khuyến mại	483.602.700	-
- Các khoản chi phí khác	122.777.090	55.815.305
Cộng	1.358.097.310	953.045.778

22. Phải trả ngắn hạn khác

- Tài sản thừa chờ giải quyết	8.388.737	8.388.737
- Kinh phí công đoàn	24.943.419	-
- Bảo hiểm xã hội	51.947.694	55.870.586
- Phải trả về cổ phần hoá	14.526.000	14.526.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.501.210.478	4.031.624.120
+ Công ty TNHH SX và TM Thiên Thành Lộc	-	2.926.100.000
+ Đại lý Đăng Định	598.363.636	508.136.364
+ Các đối tượng khác	902.846.842	597.387.756
Tổng cộng	1.601.016.328	4.110.409.443

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

23. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số đầu năm	Vay trong năm	Trả nợ vay trong năm	Vay dài hạn đến hạn trả	Số cuối năm
23.1 Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - CN Bình Thuận	73.994.507.500	336.589.175.732	336.868.783.932		73.714.899.300
23.2 Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thuận	399.996.000	-	399.996.000	479.988.000	479.988.000
23.3 Vay các cá nhân	23.490.000.000	19.250.000.000	10.290.000.000		- 32.450.000.000
+ Đoàn Thị Thùy Trang	-	2.000.000.000	-		- 2.000.000.000
+ Hà Văn Trang	-	700.000.000	-		- 700.000.000
+ Lê Ngọc Dũng	3.000.000.000	-	-		- 3.000.000.000
+ Ngô Đức Ngọc Phúc	-	2.400.000.000	1.000.000.000		- 1.400.000.000
+ Nguyễn Thị Bích Thủy	300.000.000	100.000.000	-		- 400.000.000
+ Nguyễn Thị Ngọc Tiết	2.000.000.000	500.000.000	350.000.000		- 2.150.000.000
+ Nguyễn Thị Thạnh	2.700.000.000	5.200.000.000	5.900.000.000		- 2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Thanh Hương	2.000.000.000	-	-		- 2.000.000.000
+ Nguyễn Thị Thủy	1.000.000.000	-	-		- 1.000.000.000
+ Nguyễn Thị Thu Mai	5.800.000.000	4.600.000.000	2.500.000.000		- 7.900.000.000
+ Phan Duy Khánh	-	500.000.000	-		- 500.000.000
+ Phạm Văn Bao	-	300.000.000	300.000.000		-
+ Phạm Văn Hùng	240.000.000	-	240.000.000		-
+ Trương Phi Long	2.000.000.000	1.350.000.000	-		- 3.350.000.000
+ Trần Văn Nghi	750.000.000	600.000.000	-		- 1.350.000.000
+ Võ Thị Huệ Hương (*)	3.000.000.000	-	-		- 3.000.000.000
+ Võ Thị Kim Liên	700.000.000	-	-		- 700.000.000
+ Võ Thị Như Hương	-	1.000.000.000	-		- 1.000.000.000
Tổng cộng	97.884.503.500	355.839.175.732	347.558.779.932	479.988.000	106.644.887.300

(*) Bên liên quan.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

23.1 Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận. Theo hợp đồng tín dụng số 6422/2017/3127435/HĐTĐ ngày 09/11/2017. Các điều khoản cơ bản của hợp đồng này như sau:

- Số Hợp đồng : 6422/2017/3127435/HĐTĐ
- Ngày hợp đồng : 09/11/2017
- Hạn mức vay : 74.000.000.000 đồng.
- Thời hạn cấp tín dụng : 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng.
- Mục đích vay : Bổ sung vốn lưu động cho công ty.
- Lãi suất : Lãi suất được xác định trong từng Hợp đồng tín dụng cụ thể.
- Tài sản đảm bảo :
 - '+ Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 09.001602/HĐ ngày 02/11/2009 là các Quyền sử dụng đất (QSDĐ) cụ thể:
 - * QSDĐ tại Thôn 1, thị trấn Võ Xu, Huyện Đức Linh số AO 703691 do UBND Tỉnh Bình Thuận cấp ngày 19/2/2009.
 - * QSDĐ tại thôn Bình An, xã Hàm Chính, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận số AĐ 251213 do UBND huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận cấp ngày 30/12/2005.
 - * QSDĐ tại thôn 5, xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận số AL 999436 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/09/2008.
 - * QSDĐ tại thôn 5, xã Huy Khiêm, huyện Tánh Linh, tỉnh Bình Thuận số AL 999437 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/09/2008.
 - * QSDĐ tại phường Xuân An, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận số AC 484077 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/12/2005.
 - * QSDĐ tại phường Đức Thắng, Tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận số AA 213491 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/09/2004.
 - * QSDĐ tại thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận số AC 484075 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/12/2005.
 - * QSDĐ tại thị trấn Phú Long, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận số AC 484076 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 05/12/2005.

310203
CÓ
KII
HÂN
-CHI
TẠI T
HỒ C
12-TF

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)
Năm 2017

* QSDĐ tại xã Liên Hương, huyện Tuy Phong, tỉnh Bình Thuận số AA 213498 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 22/09/2004.

* QSDĐ tại thôn Bình thủy, xã Phan Rí Thành, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận số AL 999302 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/06/2008.

* QSDĐ tại xã Hồng Sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận số AP 933247 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 02/10/2009.

* QSDĐ tại thôn 3, xã Hồng sơn, huyện Hàm Thuận Bắc, tỉnh Bình Thuận số AL 999303 do UBND tỉnh Bình Thuận cấp ngày 04/06/2008.

+ Các khoản phải thu theo các hợp đồng kinh tế được ký kết giữa bên vay và đối tác khác, trong đó bên vay là người thụ hưởng.

+ Toàn bộ số dư tài khoản tiền bằng VND và ngoại tệ của bên vay tại ngân hàng và tại các tổ chức tín dụng khác.

23.2 Nợ đến hạn của các hợp đồng vay dài hạn tại Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - CN Bình Thuận.

23.3 Các hợp đồng vay cá nhân có thời hạn vay từ 1 tháng đến 6 tháng, lãi suất 1%/tháng.

24. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

Khoản vay tại Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam – Chi nhánh Bình Thuận theo các hợp đồng tín dụng sau:

	Số đầu năm	Vay trong năm	Nợ đến hạn trả	Số cuối năm
- Số 0030/TDD/16CD	1.566.671.000	-	(399.996.000)	1.166.675.000
- Số 0027/TDD/17CD	-	400.000.000	(79.992.000)	320.008.000
Cộng	1.566.671.000	400.000.000	(479.988.000)	1.486.683.000

482.
3TYT
M TO.
TAM
HAI
ANH
LI MI
HON

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

❖ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0030/TDD/16CD ngày 22/11/2016. Các điều khoản cơ bản của hợp đồng này như sau:

- Số Hợp đồng : 0030/TDD/16CD
- Ngày hợp đồng : 22/11/2016
- Hạn mức vay : 2.000.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Thanh toán chi phí mua xe Toyota Land Cruiser Prado
- Lãi suất : Lãi suất năm đầu là 7,5%/năm
Lãi suất thời gian còn lại bằng lãi suất cơ sở + Biên độ
- Tài sản đảm bảo : Xe Toyota Land Cruiser Prado biển số 86A – 052.50

❖ Khoản vay theo hợp đồng tín dụng số 0027/TDD/17CD ngày 13/12/2017. Các điều khoản cơ bản của hợp đồng này như sau:

- Số Hợp đồng : 0027/TDD/17CD
- Ngày hợp đồng : 13/12/2017
- Hạn mức vay : 400.000.000 đồng
- Thời hạn cho vay : 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên
- Mục đích vay : Thanh toán chi phí mua xe Toyota Hilux theo Hợp đồng mua bán xe ô tô số 459A/HĐMB/TBT ngày 8/11/2017.
- Lãi suất : Lãi suất năm đầu là 8,6%/năm
Lãi suất thời gian còn lại bằng lãi suất cơ sở + Biên độ
- Tài sản đảm bảo : Xe Toyota Hilux E biển số 86C-096.02

25. Vốn chủ sở hữu

STT	Chỉ tiêu	Số đầu năm	Phát sinh trong năm	Số cuối năm
25.1	Vốn góp của CSH	288.000.000.000	-	288.000.000.000
25.2	Quỹ đầu tư phát triển	59.516.176	-	59.516.176
25.3	Lợi nhuận sau thuế chưa PP	23.629.376.093	29.104.790.017	52.734.166.110
	Cộng	311.688.892.269	29.104.790.017	340.793.682.286

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

25.1. Vốn góp của chủ sở hữu

Mệnh giá cổ phiếu : 10.000 Đồng/Cổ phiếu

Số cổ phiếu đang lưu hành : 28.800.000 Cổ phiếu

Toàn bộ cổ phiếu đang lưu hành là cổ phiếu thường.

Tình hình vốn góp của các cổ đông như sau:

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số cổ phần	Tỷ lệ	Số cổ phần	Tỷ lệ
- Nguyễn Viết Thắng	20.005.250	69,46%	20.005.250	69,46%
- Công ty Cổ phần Đầu tư Nông nghiệp Sài Gòn	6.800.000	23,61%	6.800.000	23,61%
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc Tế Năm Sao	1.042.550	3,62%	1.042.550	3,62%
- Công ty Cổ phần QT Mê Kong Plaza	950.000	3,30%	950.000	3,30%
- Trần Văn Dương	2.200	0,01%	2.200	0,01%
Cộng	28.800.000	100%	28.800.000	100%

25.3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối

- Lợi nhuận chưa PP năm trước	23.629.376.093	7.237.309.030
- Điều chỉnh tăng, giảm thuộc năm trước	-	-
- Lợi nhuận năm trước chuyển năm nay	23.629.376.093	7.237.309.030
- Lợi nhuận sau thuế năm nay	29.104.790.017	16.392.067.063
- Lợi nhuận chưa PP lũy kế chuyển năm sau	52.734.166.110	23.629.376.093

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	ĐVT: VND	
	Năm nay	Năm trước
26. Doanh thu bán hàng	563.967.836.152	451.094.167.453
Doanh thu của hàng hóa đã bán trong năm.		
27. Các khoản giảm trừ doanh thu	-	25.125.000

Khoản giảm trừ doanh thu là khoản hàng bán bị trả lại.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

28. Giá vốn hàng bán	530.066.465.308	411.941.988.846
Giá vốn của hàng hóa đã bán trong năm.		
29. Doanh thu hoạt động tài chính		
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	235.643.173	92.812.836
- Lãi chênh lệch tỷ giá	-	5.883
- Lãi góp vốn đúng hạn	-	2.589.938.000
- Lãi thanh toán trước hạn (*)	3.428.392.000	2.263.249.024
- Lãi hợp tác kinh doanh (**)	24.022.955.104	-
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	12.200.000	11.010.000
Cộng	27.699.190.277	4.957.015.743
(*) Lãi được hưởng do thanh toán trước hạn tiền hàng cho Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao.		
(**) Là khoản lãi sẽ được hưởng theo quy định của Hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản số 01/2016/HĐHTĐT (Thuyết minh số V.11 và VII.1).		
30. Chi phí tài chính		
- Lãi tiền vay	8.696.885.342	6.723.151.595
- Chi phí tài chính khác	164.859.000	1.395.548
Cộng	8.861.744.342	6.724.547.143
31. Chi phí bán hàng		
- Chi phí nhân viên bán hàng	4.724.309.760	4.377.082.858
- Chi phí vật liệu, bao bì	178.383.499	128.373.466
- Chi phí dụng cụ, đồ dùng	283.174.301	258.252.121
- Chi phí khấu hao TSCĐ	747.843.992	570.796.747
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.171.567.114	610.561.445
- Chi phí bằng tiền khác	1.991.903.929	1.628.140.598
Cộng	9.097.182.595	7.573.207.235



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

32. Chi phí quản lý doanh nghiệp

- Chi phí nhân viên quản lý	3.476.756.576	3.225.993.864
- Chi phí vật liệu quản lý	325.657.438	236.191.335
- Chi phí đồ dùng văn phòng	70.265.861	53.644.137
- Chi phí khấu hao TSCĐ	555.218.652	394.853.232
- Thuế, phí và lệ phí	18.005.930	34.392.942
- Chi phí dự phòng	105.458.594	3.176.581.762
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	339.713.729	225.896.057
- Chi phí bằng tiền khác	2.529.167.840	2.049.575.054
Cộng	7.420.244.620	9.397.128.383

33. Thu nhập khác

- Thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ	477.272.727	-
- Thu nhập khác	773.866.058	378.750.856
Cộng	1.251.138.785	378.750.856

34. Chi phí khác

- Chi phí thanh lý tài sản cố định	704.582.664	53.182.780
- Các khoản tiền phạt	255.213.939	27.267.711
- Chi phí khác	22.423	2.099.327
Cộng	959.819.026	82.549.818

35. Chi phí thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

- Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.512.709.323	20.685.387.627
- Cộng (+) Chi phí không được trừ	526.887.201	781.215.189
- Tổng thu nhập chịu thuế	37.039.596.524	21.466.602.816
- Thuế suất thuế TNDN	20%	20%
Chi phí thuế TNDN hiện hành	7.407.919.305	4.293.320.564

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

36. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

- Lợi nhuận sau thuế Thu nhập doanh nghiệp	29.104.790.018	16.392.067.063
- Dự kiến phân phối Quỹ Khen thưởng, phúc lợi	-	-
- Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	29.104.790.018	16.392.067.063
- Số lượng cổ phiếu phổ thông lưu hành bình quân	28.800.000	22.872.800
- Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.011	717

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Hợp đồng hợp tác đầu tư Bất động sản

Theo hợp đồng hợp tác đầu tư bất động sản số 01/2016/HĐHTĐT ngày 01/03/2016 và phụ lục số 01 ngày 04/04/2016 với Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao, Công ty sẽ hợp tác đầu tư vào dự án Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City; Mức góp vốn của Công ty và những điều khoản cơ bản của dự án này như sau:

- Nội dung hợp tác đầu tư: Góp vốn đầu tư xây dựng dự án Khu đô thị sinh thái Năm Sao Five Star Eco City cho Giai đoạn 2.
- Chủ đầu tư dự án: Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc Tế Năm Sao
- Tổng mức đầu tư dự án: 2.085.184.919.000 đồng
- + *Giai đoạn 1:* 606.184.919.000 đồng
- + *Giai đoạn 2:* 1.476.000.000.000 đồng
- Vốn góp đầu tư: Công ty sẽ tham gia đầu tư với số tiền là 221.400.000.000
- Phân chia lợi nhuận: Khi có doanh thu hằng năm chủ đầu tư và công ty sẽ tiến hành phân chia lợi nhuận trước thuế thu nhập doanh nghiệp theo tỷ lệ góp vốn của từng giai đoạn. Khi dự án hoàn thành bàn giao đưa vào khai thác hai bên sẽ quyết toán số tiền lợi nhuận của toàn bộ dự án. Nếu tổng lợi nhuận được chia của công ty theo quyết toán lợi nhuận của toàn bộ dự án nhỏ hơn tổng lợi nhuận đã chia hằng năm thì công ty không phải hoàn lại phần chênh lệch cho chủ đầu tư.

Các bên tự chịu trách nhiệm nộp thuế Thu nhập doanh nghiệp (TNDN) trên phần lợi nhuận được chia. Công ty sau khi nộp thuế TNDN trên phần lợi nhuận được chia phải cung cấp chứng từ nộp thuế cho chủ đầu tư.

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

2. Báo cáo theo bộ phận

a. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Công ty không trình bày Bộ phận báo cáo theo khu vực địa lý do toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty được thực hiện trên lãnh thổ Việt Nam.

b. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Thông tin về Tài sản và Nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chi tiêu	Số cuối năm				
	Khối Tài chính, đầu tư	Khối Nông Nghiệp	Khối Xăng dầu	Không phân bổ	Tổng cộng
Tài sản ngắn hạn	38.230.864.494	197.440.872.765	5.213.841.578	7.752.437.190	248.638.016.027
Tài sản dài hạn	267.880.680.000	5.573.387.349	7.887.284.200	5.172.894.425	286.514.245.974
Tổng tài sản	306.111.544.494	203.014.260.114	13.101.125.778	12.925.331.615	535.152.262.001
Nợ phải trả	38.139.553.534	144.057.383.566	9.489.399.206	2.672.243.409	194.358.579.715

Chi tiêu	Số đầu năm				
	Khối Tài chính, đầu tư	Khối Nông Nghiệp	Khối Xăng dầu	Không phân bổ	Tổng cộng
Tài sản ngắn hạn	28.852.690.578	141.792.314.286	5.080.114.337	7.903.044.032	183.628.163.233
Tài sản dài hạn	267.880.680.000	6.067.888.596	8.310.299.979	5.494.259.040	287.753.127.615
Tổng tài sản	296.733.370.578	147.860.202.882	13.390.414.316	13.397.303.072	471.381.290.848
Nợ phải trả	24.835.556.641	122.639.849.877	9.830.299.893	2.386.692.167	159.692.398.578

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

Thông tin về **Kết quả hoạt động kinh doanh** của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh như sau:

Chỉ tiêu	Năm nay	Trong đó			Năm trước	Trong đó		
		Khối tài chính, đầu tư	Khối Nông Nghiệp	Khối Xăng dầu		Khối tài chính, đầu tư	Khối Nông Nghiệp	Khối Xăng dầu
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	563.967.836.152	-	405.491.075.249	158.476.760.903	451.094.167.453	-	314.321.456.507	136.772.710.946
2. Giảm trừ doanh thu	-	-	-	-	25.125.000	-	25.125.000	
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	563.967.836.152	-	405.491.075.249	158.476.760.903	451.069.042.453	-	314.296.331.507	136.772.710.946
4. Giá vốn hàng bán	530.066.465.308	-	380.575.146.821	149.491.318.487	411.941.988.846	-	282.958.015.228	128.983.973.618
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	33.901.370.844	-	24.915.928.428	8.985.442.416	39.127.053.607	-	31.338.316.279	7.788.737.328
6. Doanh thu hoạt động tài chính	27.699.190.277	24.121.809.271	3.577.381.006	-	4.957.015.743	2.682.750.836	2.274.264.907	-
7. Chi phí tài chính	8.861.744.342	3.776.425.816	4.431.718.076	653.600.450	6.724.547.143	1.430.250.334	4.844.368.743	449.928.066
8. Chi phí bán hàng	9.097.182.595	-	5.228.770.684	3.868.411.911	7.573.207.235	-	4.778.276.581	2.794.930.654
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	7.420.244.620	138.495.951	6.168.711.976	1.113.036.693	9.397.128.383	100.000.000	8.273.121.220	1.024.007.163
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	36.221.389.564	20.206.887.504	12.664.108.698	3.350.393.362	20.389.186.589	1.152.500.502	15.716.814.642	3.519.871.445
11. Thu nhập khác	1.251.138.785	546.818.182	618.545.455	85.775.148	378.750.856	-	283.003.036	95.747.820
12. Chi phí khác	959.819.026	959.214.827	178.126	426.073	82.549.818	-	82.533.939	15.879
13. Lợi nhuận khác	291.319.759	(412.396.645)	618.367.329	85.349.075	296.201.038	-	200.469.097	95.731.941
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	36.512.709.323	19.794.490.859	13.282.476.027	3.435.742.437	20.685.387.627	1.152.500.502	15.917.283.739	3.615.603.386
15. Chi phí TNDN hiện hành	7.407.919.305	3.958.898.172	2.761.872.646	687.148.487	4.293.320.564	230.500.100	3.339.699.786	723.120.677
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	29.104.790.018	15.835.592.687	10.520.603.381	2.748.593.950	16.392.067.063	922.000.402	12.577.583.953	2.892.482.709

CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

3. Thông tin về các Bên liên quan

Bên liên quan	Mối quan hệ
- Ông Trần Văn Mười	Chủ tịch HĐQT, cổ đông
- Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	Có cùng chủ tịch HĐQT
- Chi nhánh Nhà máy Phân bón Năm Sao	Có cùng chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp III	Có cùng chủ tịch HĐQT
- Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	Có cùng chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Viết Thắng	Cổ đông
- Bà Võ Thị Huệ Hương	Vợ Kế toán trưởng Công ty DV NN BT

A. Giao dịch với các bên liên quan trong năm:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền
- Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao	Bán phân bón	112.339.000.000
	Cho thuê tài sản	66.000.000
	Thu tiền bán hàng	76.250.055.000
	Lợi nhuận từ hợp đồng BCC	24.022.955.104
	Mua phân bón	19.640.000.000
	Trả tiền mua hàng	34.775.000.000
	Trả tiền mua hàng thông qua cản trừ công nợ với Ông Trần Văn Mười	20.465.550.000
- Chi nhánh Nhà Máy Phân bón Năm Sao	Bán phân bón	90.490.989.500
	Cản trừ tiền bán hàng và tiền mua hàng	90.490.989.500
	Chiết khấu được hưởng	7.897.780.988
	Cản trừ tiền chiết khấu và tiền mua hàng	5.983.850.000
	Lãi thanh toán trước hạn được hưởng	3.432.892.000
	Cản trừ tiền lãi thanh toán trước hạn và tiền mua hàng	2.769.692.223
	Mua phân bón	106.970.137.310
- Công ty Cổ phần XNK Vật Tư Nông Nghiệp III	Phải trả tiền mua hàng	119.097.330.000
	Trả tiền mua hàng	57.634.400.000



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

-	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	Phải thu tiền bán hàng	44.405.100.000
		Thu tiền bán hàng	19.623.900.000
-	Ông Trần Văn Mười	Tạm ứng	3.550.000.000
		Thu tiền tạm ứng	2.937.650.265
		Thu tiền tạm ứng thông qua cán trừ công nợ với Công ty Cổ phần Tập đoàn Quốc tế Năm Sao	20.465.550.000

B. Tại ngày kết thúc năm tài chính, khoản phải thu, phải trả với các bên liên quan như sau:

Bên liên quan	Nội dung giao dịch	Số tiền	
❖ Các khoản còn phải thu			
-	Công ty Cổ phần Tập Đoàn Quốc tế Năm Sao	Tiền hàng phải thu	32.298.859.000
		Tiền góp vốn đầu tư hợp đồng BCC	199.880.680.000
		Lãi vốn góp đầu tư đúng hạn	2.589.938.000
		Lợi nhuận từ hợp đồng BCC	24.022.955.104
		Tiền cho mượn	4.000.000.000
-	Chi nhánh Nhà Máy Phân bón Năm Sao	Tiền chiết khấu được hưởng	10.586.045.678
		Tiền lãi thanh toán trước hạn được hưởng	946.919.177
-	Công ty Cổ phần Vật tư Nông nghiệp Vàm Cỏ Đông	Tiền hàng phải thu	34.213.200.000
-	Ông Nguyễn Viết Thắng	Phải thu khác	2.830.000.000
Cộng nợ phải thu		311.368.596.959	
❖ Các khoản còn phải trả			
-	Công ty Cổ phần XNK Vật Tư Nông Nghiệp III	Phải trả tiền mua hàng	61.462.930.000
-	Bà Võ Thị Huệ Hương	Phải trả nợ vay	3.000.000.000
Cộng nợ phải trả		64.462.930.000	



CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ NÔNG NGHIỆP BÌNH THUẬN

Thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Năm 2017

4. Thông tin tài chính có liên quan đến Báo cáo tài chính năm 2017

Các Thông tư, văn bản luật có hiệu lực trong năm 2017 sau đây:

- Thông tư số 79/2017/TT-BTC ngày 01/08/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung tiết b1 Điểm b Khoản 4 Điều 48 Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế
- Thông tư số 28/2017/TT-BTC ngày 12/04/2017 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.
- Thông tư số 93/2017/TT-BTC ngày 19/9/2017 của Bộ Tài chính về việc sửa đổi, bổ sung Khoản 3, Khoản 4 Điều 12 Thông tư số 219/2013/TT-BTC ngày 31/12/2013 (đã sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 119/2014/TT-BTC ngày 25/8/2014) và bãi bỏ Khoản 7 Điều 11 Thông tư 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính
- Thông tư số 06/2017/TT-BTC ngày 20/01/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 34a Thông tư số 156/2013/TT-BTC ngày 06/11/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế (đã được bổ sung tại Khoản 10 Điều 2 Thông tư 26/2015/TT-BTC)
- **Luật kế toán**

Ngày 20/11/2015, Quốc hội đã thông qua **Luật số 88/2015/QH13 - Luật Kế toán (sửa đổi)** có hiệu lực từ 01/01/2017 thay thế Luật kế toán số 03/2003/QH11.

Luật này quy định về nội dung công tác kế toán, tổ chức bộ máy kế toán, người làm kế toán, hoạt động kinh doanh dịch vụ kế toán, quản lý nhà nước về kế toán và tổ chức nghề nghiệp về kế toán.

Thành phố Phan Thiết, ngày 29 tháng 10 năm 2019

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Trương Thùy Linh

Nguyễn Văn Thủy

Trần Thị Hoa